

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HSST.

Ngày 05.12.2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tuyên và ông Lò Văn Pọm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phùng Quang H**; tên gọi khác: Tạ Văn H và Phùng Văn H.

Sinh năm: 1976.

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã K, thị trấn S, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6.

Con ông: Phùng Văn N, (đã chết); con bà: Chu Thị H, sinh năm: 1945.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 05 tiền án tại các bản án sau.

- Bản án số 39 ngày 28/10/1994 của TAND huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây xử phạt Phùng Quang H 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân.

- Bản án số 52 ngày 08/12/1995 của TAND huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây xử phạt Phùng Quang H 26 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân.

- Bản án số 194 ngày 11/12/1997 của TAND tỉnh Hà Tây xử phạt Phùng Quang H 36 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân.

- Bản án số 73 ngày 22/7/2005 của TAND tỉnh Hải Dương xử phạt Phùng Quang H 48 tháng tù về tội: Cường đoạt tài sản.

- Bản án số 34 ngày 31/8/2009 của TAND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xử phạt Phùng Quang H 05 năm tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc H phải chấp hành hành Bản án số: 26/2009/HSST ngày 23/7/2009 của TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương là 36 tháng tù, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 08 năm tù.

Bị cáo bị bắt ngày 27/7/2017 và tạm giam từ ngày 30/7/2017 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Họ và tên: Trương Tiến D; sinh năm: 1950.
Trú tại: Số nhà 00, tổ D, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, (vắng mặt).
2. Họ và tên: Phạm Văn T; sinh năm: 1975.
Trú tại: số nhà 00 tổ 00, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, (vắng mặt).
3. Họ và tên: Nguyễn Ngọc H; sinh năm: 1958.
Trú tại: Số nhà 00, tổ D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, (vắng mặt).

*** Người có nghĩa vụ liên quan:**

1. Họ và tên: Tòng Văn Đ; sinh năm: 1976.
Trú tại: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. (Có mặt).
2. Họ và tên: Lò Văn T; sinh năm: 1993.
Trú tại: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. (Có mặt).
3. Họ và tên: Lương Văn C; sinh năm: 1962.
Trú tại: Bản T, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La, (Vắng mặt).
4. Họ và tên: Quàng Văn O; sinh năm: 1997.
Trú tại: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).
5. Họ và tên: Tòng Thị T; sinh năm: 1982.
Trú tại: Bản X, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phùng Quang H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố về hành vi phạm tội như sau: Ngày 19/5/2017 Công an đồn M, huyện Tuần Giáo nhận được đơn trình báo của ông Phạm Văn T, sinh năm 1975, trú tại Tổ 00, phường M, thành phố Đ có nội dung: Ngày 18/5/2017, Phùng Quang H, sinh năm 1976, trú tại bản N, xã N, huyện Đ lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại xe Wave, BKS 27S1-000.00 màu sơn đỏ của gia đình ông và đề nghị Cơ quan chức năng xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra xác định trong các ngày 06, 18/5/2017 và 22/7/2017 Phùng Quàng H, sinh năm 1976, trú tại bản N, xã N, huyện Đ đã ba lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 06/5/2017, Phùng Quang H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên H đã đi bộ quanh khu vực phường T, thành phố Đ Phủ để tìm người lái xe ôm. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực cầu M, H gặp ông Trương Tiến D, sinh năm 1950, trú tại tổ dân phố số 00, phường H, thành phố Đ đang ngồi sửa xe máy ở đầu cầu. Do có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ trước nên H đã đến gần và đề nghị ông D chở mình đến thị trấn Điện B, huyện Đ. Sau khi thỏa thuận giá, ông D đồng ý và chở H đi bằng chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM màu nâu, BKS 27F2-0000. Khoảng 08 giờ 30 phút, ông D chở H đi đến thị trấn Đ thì dừng xe lại nghỉ ngơi. Được khoảng 5 đến 10 phút sau, H đề nghị ông D cho mình điều khiển xe và được ông D đồng ý. H điều khiển chiếc xe của ông D đi thẳng đến nhà ông Lương Văn C, trú tại bản T, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Khi đến nhà ông C, H và ông D ngồi chơi thì H hỏi ông C: “Nhà đã com nước gì chưa?”, ông C trả lời: “Com thì nấu rồi nhưng chưa có thức ăn”. H nói với ông C là để H chạy ra chợ mua ít thức ăn chín về để ăn com. Sau đó, H nói với ông D là cho H mượn xe để ra chợ mua thức ăn chín. Do

tin tưởng nên ông D đã giao chìa khóa xe cho H. Sau khi mượn được xe, H điều khiển xe máy đi theo đường quốc lộ về trung tâm huyện S, tỉnh Sơn La rồi tiếp tục điều khiển xe máy theo hướng Sơn La - Hà Nội. Khi đến khu vực thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La do hết tiền tiêu nên H đã hỏi bán xe máy của ông D cho hai người đàn ông dân tộc Mông mà H không biết tên, tuổi, địa chỉ được 4.600.000đ. Sau khi mua bán xe, H bắt xe khách về Hà Nội chơi đến khi tiêu hết số tiền bán xe H bắt xe khách về nhà bạn gái là Lò Thị H, trú tại bản N, xã N, huyện Điện Biên.

Lần 2: Khoảng 14 giờ ngày 18/5/2017, H một mình bắt xe khách từ khu vực bản N, xã N, huyện Đ lên bến xe khách thành phố Đ mục đích để tìm lái xe ôm thuê chở để tìm cách lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, H gặp một người đàn ông H không biết tên, tuổi, địa chỉ làm nghề chạy xe ôm, H liền hỏi thuê người đàn ông này chở đến bản H, xã M, huyện T. Sau khi thỏa thuận giá chở từ Điện Biên về T hết 250.000đ, người lái xe ôm chở H sang cây xăng đối diện nhà khách T, thành phố Đ để mua xăng. Sau khi mua xăng xong, người lái xe ôm yêu cầu H trả tiền xăng trước nhưng H không đồng ý nên người lái xe ôm này không chở H nữa mà đi đâu, làm gì H không rõ. Sau đó, H đang đứng ở lề đường thì có anh Phạm Văn T, sinh năm 1975, trú tại tổ 00, phường M, thành phố Đ đến hỏi H: “Có đi xe ôm không?”, H trả lời: “Có. Đi H, M bao nhiêu tiền?”, anh T trả lời: “Cả đi cả về 500.000 đồng”. Sau khi thỏa thuận được giá cả, anh T điều khiển chiếc xe HONDA WAVE màu đỏ bạc đen, BKS 27S1-000.00 của anh T chở H đi. Khi đi đến khu vực phường H, thành phố Đ, anh T rẽ vào cây xăng để đổ xăng hết 50.000 đồng, H đã dùng tiền của H để trả tiền xăng. Sau khi đổ xăng xong, anh T tiếp tục chở H về T. Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh T và H đã đi đến khu vực bản H, xã M, huyện T. H chỉ đường cho anh T đi vào nhà anh Quảng Văn O, sinh năm 1997. Khi đến nhà anh O, H và T nghỉ ngơi khoảng 15 phút thì H nói với O mặc quần áo vào để đi cùng H ra ngoài có việc. Do có ý định lừa lấy chiếc xe của anh T từ trước nên H nói với anh T: “Cho em mượn xe máy đi có việc tí”. Anh T đồng ý và giao chìa khóa xe cho H. Sau khi mượn được xe H chở theo anh O đi theo hướng thị trấn T, khi đến khu vực ngã ba rẽ đi R thì O không đi nữa nên H chở O quay lại bản H, xã M. Khi đến khu vực bản H, O bảo H dừng xe trước cửa quán Internet rồi O vào quán chơi. Còn H điều khiển xe máy của anh T đến nhà chị Tông Thị M, sinh năm 1978, trú tại bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La nhằm mục đích bán chiếc xe máy vừa chiếm đoạt được của anh T. Tại nhà của chị M, H gặp anh Lò Văn T, sinh năm 1993, trú cùng bản với chị M. T hỏi H: “Xe của ai?”, H trả lời là xe của H, T hỏi H có bán xe không. H đồng ý bán xe cho T với giá 2.000.000đ. Sau khi thỏa thuận được giá cả T đi ra ngoài khoảng 5 đến 10 phút thì quay lại đưa cho H số tiền 1.900.000đ và nói: “Cháu chỉ còn thế này thôi”, H đồng ý và bán xe cho T. Sau khi bán được xe, H ở lại khu vực bản P chơi. Đến ngày 21/5/2017, H bắt xe khách quay lại Điện Biên.

Lần 3: Sau khi tiêu hết số tiền bán xe máy lừa đảo chiếm đoạt của anh T, H lại nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên đã một mình bắt xe khách từ khu vực bản N, xã N, huyện Đ xuống khu vực trung tâm thành phố Điện Biên Phủ nhằm mục đích tìm đối tượng để lừa đảo. Khi đi đến khu vực chợ Trung tâm thành phố H xuống xe rồi đi vào khu vực lái xe ôm hay đứng đón khách. Khi đi đến cổng chợ, H gặp ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố D, phường T, thành phố Đ và hỏi thuê ông H chở H ra T. Ông H đồng ý và chở H bằng chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM màu mận tím, BKS 33K2-0000 của ông H đi T. Trên đường đi, hai bên thỏa thuận giá cả đi và về là 500.000 đồng. H yêu cầu ông H chở đến xã M, huyện T. Đến khoảng 15

giờ cùng ngày thì đi đến nơi. Khi đến xã M, H và ông H vào nhà bạn của H là Quàng Văn S chơi, ngồi chơi được khoảng 10 phút, mẹ Sơn nói với H là S đã đi làm thuê ở Hà Nội không có ở nhà. Do vậy, H nói ông H chở H quay ra thị trấn T. Khoảng 18 giờ cùng ngày thì ra đến thị trấn, H tiếp tục nói ông H chở đến nhà chị Tòng Thị T, trú tại bản X, xã Q chơi, khoảng 15 phút sau H nói với T nấu cơm cho H và ông H ăn thì T trả lời H là T bán hết thịt rồi tối lên nhà ông bà ngoại ăn cơm. Do có ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe của ông H từ trước nên H nói với T: “Để anh đi mua ít thịt chó, hoa quả, bánh kẹo lên làm quà cho ông bà”. Sau đó H hỏi mượn xe của ông H để đi mua đồ. Do tin tưởng nên ông H đã cho H mượn xe. Sau khi mượn được xe của ông H, H điều khiển xe đi đến khu vực bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La nhằm mục đích bán chiếc xe máy của ông H. Khoảng 22 giờ cùng ngày H đi đến nơi và vào nhà anh K chơi. Khi đến nhà anh K, H gặp vợ anh K ở nhà và xin ngủ nhờ. Đến khoảng 08 giờ ngày 23/7/2017, H đang ở nhà anh K thì có Tòng Văn Đ, sinh năm 1976, trú tại bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La đến nhà anh K gặp H và nói chuyện với H: “Anh có con xe Dream thì để lại cho em để em đi rừng”, nghe Đ hỏi, H trả lời: “Được, không có xe thì anh để cho”. H và Đ thỏa thuận giá chiếc xe là 1.500.000đ. Sau khi bán xe xong, H ở lại P chơi đến ngày 26/7/2017 thì bắt xe khách về thành phố Đ. Khi đi đến bến xe khách thành phố Đ thì bị anh Phạm Văn T là người H đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản trước đó nhận ra và hai người có xảy ra xô sát. Sau đó, H và anh T được mời về Công an phường T, thành phố Đ để làm việc. Tại Công an phường T, H đã khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy của anh T tại địa bàn xã M, huyện T, Công an phường T đã báo cho Công an huyện Tuần Giáo biết. Ngày 27/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Phùng Quang H để điều tra làm rõ về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ được 02 (hai) chiếc xe máy mà H đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Phạm Văn T và ông Nguyễn Ngọc H. Đối với 01 (một) chiếc xe máy sau khi H lừa đảo chiếm đoạt của ông Trương Tiến D, H đã bán cho hai người đàn ông dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ, do vậy Cơ quan điều tra chưa thu giữ được vật chứng.

Ngày 27/7/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 121/QĐ. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 28/7/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Tuần Giáo kết luận 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ đen bạc, BKS 27S1-00000 của anh Phạm Văn T có giá trị 8.000.000đ; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM màu mận tím, BKS 33K2-0000 của ông Nguyễn Ngọc H có giá trị 11.400.000đ. Tổng giá trị tài sản đưa ra định giá là 19.400.000 đồng. Ngày 14/9/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 137/QĐ. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 38 ngày 15/9/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Tuần Giáo kết luận 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM màu mận tím của ông Trương Tiến D có giá trị 11.400.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 102/QĐ-VKS-HS ngày 03/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Phùng Quang H về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại đơn đề nghị người bị hại ông Trương Tiến D trình bày: Ngày 06/5/2017 ông bị Phùng Quang H lừa đảo chiếm đoạt một xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM màu nâu, BKS 27F2-0000 cũ đã qua sử dụng, hiện không thu hồi được. Ông Trương Tiến D yêu cầu H bồi thường thiệt hại xe máy trên cho ông theo kết luận định giá tài sản là 11.400.000đ (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng). Về phần hình phạt ông D đề

ngộ xét xử H nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, vì H đã vi phạm pháp luật nhiều lần mà không sửa chữa, vẫn tiếp tục tái phạm.

Tại đơn đề nghị người bị hại anh Phạm Văn T trình bày: Ngày 18/5/2017 anh bị Phùng Quang H lừa đảo chiếm đoạt một xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ đen bạc, BKS 27S1-00000 cũ đã qua sử dụng. Ngày 05/8/2017 anh T được Công an huyện Tuần Giáo trả lại xe máy trên, nên anh Phạm Văn T không yêu cầu H bồi thường thiệt hại. Về phần hình phạt anh T đề nghị xét xử H nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, vì H đã vi phạm pháp luật nhiều lần mà không sửa chữa, vẫn tiếp tục tái phạm.

Tại đơn đề nghị người bị hại ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Ngày 22/7/2017 ông bị Phùng Quang H lừa đảo chiếm đoạt một xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM màu mận tím, BKS 33K2-0000 cũ đã qua sử dụng. Ngày 05/8/2017 ông H được Công an huyện Tuần Giáo đã trả lại xe máy trên. Nên ông Nguyễn Ngọc H không yêu cầu H bồi thường thiệt hại. Về phần hình phạt ông H đề nghị xét xử H nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, vì H đã vi phạm pháp luật nhiều lần mà không sửa chữa, vẫn tiếp tục tái phạm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho ông Trương Tiến D giá trị xe máy là 11.400.000đ (*mười một triệu bốn trăm nghìn đồng*). Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của bị cáo, người bị hại và Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Phùng Quang H đã khai và thừa nhận: Từ ngày 06/5/2017 đến ngày 22/7/2017, để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản của mình, bị cáo H sử dụng thủ đoạn gian dối, liên tục thuê xe ôm và sau đó là mượn xe máy của ông Trương Tiến D, anh Phạm Văn T và ông Nguyễn Ngọc H. Sau khi sử dụng thủ đoạn gian dối mượn được xe máy của ông D, anh T, ông H bị cáo mang 03 xe máy bán cho Lò Văn T, Tông Văn Đ, một người đàn ông dân tộc Mông được tổng số tiền là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*) và đã chi tiêu cho cá nhân hết. Đến ngày 27/7/2017 bị cáo bị bắt và khởi tố về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với đơn đề nghị và lời khai của những người bị hại; các bản kết luận giá trị tài sản ngày 28/7/2017 và ngày 15/9/2017 đối với 03 xe máy bị cáo đã chiếm đoạt có tổng giá trị là 30.800.000đ (*ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng*); lời khai của người có nghĩa vụ liên quan, cũng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố đối với bị cáo. Tại phần tranh luận bị cáo Phùng Quang H hoàn toàn nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần tội danh cũng như khung hình phạt. Tại Bản án số:

34/2009/HSST ngày 31/8/2009 của TAND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự và tổng hợp hình phạt của bản án khác xử phạt bị cáo 08 năm tù; bị cáo 05 lần bị Tòa án kết án chưa được xóa án tích. Do đó Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Phùng Quang H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Bởi vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo theo tội danh, điểm, khoản và điều luật nêu trên là hoàn toàn chính xác.

Xét tính chất vụ án thấy: Bị cáo Phùng Quang H phạm tội nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông Trương Tiến D, anh Phạm Văn T và ông Nguyễn Ngọc H, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản một mình ngoài ra không còn ai khác. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nên hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

Xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Trong thời gian từ ngày 06/5/2017 đến ngày 22/7/2017 bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã K, thị trấn S, thành phố H, được gia đình nuôi dạy cho ăn học đến hết lớp 6 thì nghỉ học. Ngày 28/10/1994 bị TAND huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây xử phạt 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân; ngày 08/12/1995 bị TAND huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây xử phạt 26 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân; ngày 11/12/1997 bị TAND tỉnh Hà Tây xử phạt 36 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân; ngày 22/7/2005 bị TAND tỉnh Hải Dương xử phạt 48 tháng tù về tội: Cường đoạt tài sản; ngày 31/8/2009 bị TAND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và buộc bị cáo phải chấp hành hành Bản án số: 26/2009/HSST ngày 23/7/2009 của TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương là 36 tháng tù, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 08 năm tù. Ngày 07/10/2016 chấp hành xong án phạt tù về địa phương sinh sống; tháng 11/2016, sống chung như vợ chồng với Lò Thị H, sinh năm 1982, trú tại bản N, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Ngày 30/7/2017 bị Công an huyện Tuần Giáo khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã nhiều lần được cải tạo tại trại giam, lẽ ra phải lấy đó làm bài học sống tốt hơn, nhưng vì mục đích để có tiền cho cá nhân, nên bị cáo đã vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo làm nghề tự do, không có tài sản riêng, nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội và đề nghị xử phạt: Bị cáo Phùng Quang H mức hình phạt từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Lò Văn T, sinh năm 1993 và Tòng Văn Đ, sinh năm 1976, trú tại bản P,

xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La là người đã mua xe máy do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt mà có. Khi mua xe máy T, Đ không biết chiếc xe máy đó là tài sản do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt có, T và Đ không vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Quàng Văn O, sinh năm 1995, trú tại bản H, xã M, huyện T; Lường Văn C, sinh năm 1962, trú tại bản T, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La và Tòng Thị T, sinh năm 1982, trú tại bản X, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Qua điều tra O, C, T không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn đỏ đen bạc, BKS 27S1-00000 và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM màu mận tím, BKS 33K2-0000 là vật chứng của vụ án. Ngày 05/8/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuần Giáo đã trả lại cho anh Phạm Văn T và ông Nguyễn Ngọc H chủ sở hữu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về phần dân sự: Người bị hại ông Trương Tiến D yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại xe máy trên cho ông theo kết luận định giá tài sản là 11.400.000đ (*mười một triệu bốn trăm nghìn đồng*). Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Người bị hại anh Phạm Văn T và ông Nguyễn Ngọc H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cơ quan điều tra đã thu hồi hai xe máy bị cáo bán cho Lò Văn T và Tòng Văn Đ để trả cho những người bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Lò Văn T, Tòng Văn Đ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua xe máy, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*); án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại là: $11.400.000đ \times 5\% = 570.000đ$ (*năm trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Quang H (tên gọi khác: Tạ Văn H và Phùng Văn H) phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Quang H 06 (*sáu*) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 27/7/2017.

3. Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông Trương Tiến D số tiền là: 11.400.000đ (*mười một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự”

“*Trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật. Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

5. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 570.000đ (*năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/12/2017).

Người bị hại ông Trương Tiến D, ông Nguyễn Ngọc H và anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND phường M và UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*đã ký*)
Nguyễn Việt Hương